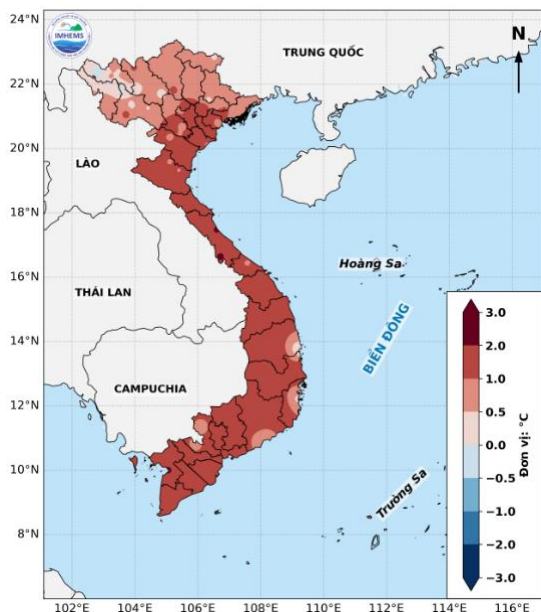
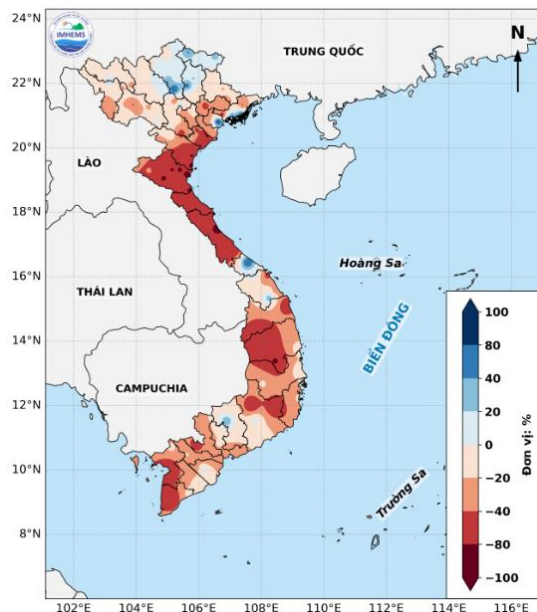


THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2026



(a)



(b)

Chuẩn sai nhiệt độ (a) và lượng mưa (b) tháng 6/2026

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG VÀ KHÍ HẬU
CENTER FOR METEOROLOGY AND CLIMATE RESEARCH

Hà Nội, tháng 7 – 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	2
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	3
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 4, 5, 6 NĂM 2026	4
1.1. Diễn biến ENSO.....	4
1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam.....	4
1.2.1. Nhiệt độ	4
1.2.2. Lượng mưa	6
1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm	7
1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm	8
PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2026	11
2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á.....	11
2.1.1. Dự báo xu thế ENSO.....	11
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á.....	11
2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam.....	12
2.2.1. Dự báo nhiệt độ	12
2.2.2. Dự báo lượng mưa.....	12
2.2.3. Nhận định thời tiết nguy hiểm và khí hậu cực đoan.....	14
PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2026.....	15
PHỤ LỤC.....	16

Thông báo và Dự báo khí hậu do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng và Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Bộ Nông nghiệp và Môi trường biên tập và xuất bản hàng tháng.

Nội dung của “Thông báo và Dự báo khí hậu” được đăng tải trên Internet theo địa chỉ: <http://www.imh.ac.vn>.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, Số 23/62, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 - 37 731 410 / +84 24 - 37 756 613

Email: vt_vkttv_khdt@mae.gov.vn.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

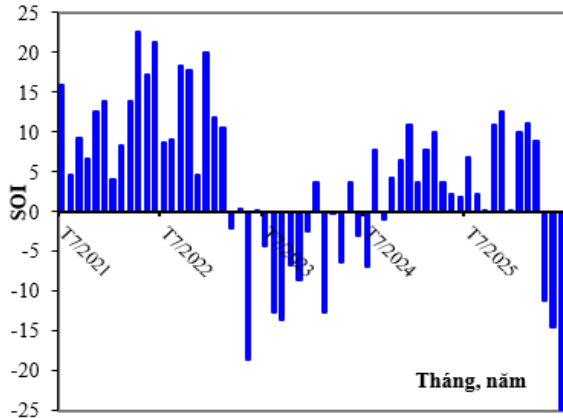
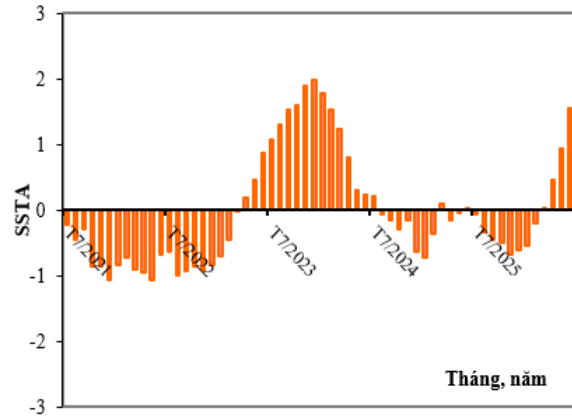
STT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	A	Chỉ số ẩm (tỷ số giữa lượng mưa và lượng bốc hơi)
2	ATNĐ	Áp thấp nhiệt đới
3	BOM	Cơ quan Khí tượng Úc (Bureau of Meteorology)
4	CPC	Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (Climate Prediction Center)
5	CS	Chuẩn sai
6	ECMWF	Trung tâm Dự báo Thời tiết Hạn vừa châu Âu (European Centre for Medium-Range Weather Forecasts)
7	GMMĐ	Gió mùa mùa đông
8	IRI	Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu, Trường Khí hậu Columbia, Đại học Columbia, Mỹ (International Research Institute for Climate and Society, The Columbia Climate School, Columbia University)
9	JMA	Cơ quan Khí tượng Nhật Bản (Japan Meteorological Agency)
10	KKL	Không khí lạnh
11	KTTV	Khí tượng thủy văn
12	LMNLN	Lượng mưa ngày lớn nhất
13	Met Office	Cơ quan Khí tượng Vương quốc Anh
14	Météo-France	Cơ quan Khí tượng quốc gia Pháp
15	NCEP	Trung tâm dự báo môi trường quốc gia Hoa Kỳ (National Centers for Environmental Prediction)
16	NĐTB	Nhiệt độ trung bình
17	NĐTCTB	Nhiệt độ tối cao trung bình
18	NĐTCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
19	NĐTTTB	Nhiệt độ tối thấp trung bình
20	NĐTTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
21	SNM	Số ngày mưa
22	SOI	Chỉ số dao động Nam (Southern Oscillation Index)
23	SST	Nhiệt độ mặt nước biển (Sea Surface Temperature)
24	SSTA	Chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển (Surface Temperature Anomaly)
25	TBD	Thái Bình Dương
26	TBNN	Trung bình nhiều năm
27	TLBH	Tổng lượng bốc hơi
28	TLM	Tổng lượng mưa
29	TSGN	Tổng số giờ nắng
30	XĐ	Xích đạo
31	XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (7/2021 - 6/2026)	4
Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (7/2021 - 6/2026)	4
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2026 (°C).....	5
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6/2026 (°C).....	5
Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C).....	5
Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 6/2026 (°C).....	5
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (mm).....	6
Hình 1.10. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (%).....	6
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 6/2026 (mm).....	6
Hình 1.12. Phân bố tỷ chuẩn lượng mưa tháng 6/2026 (%).....	6
Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (ngày)	7
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 6/2026 (ngày)	7
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (giờ)	7
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 6/2026 (giờ)	7
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (mm).....	8
Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 6/2026 (mm).....	8
Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 4-6 năm 2026.....	8
Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 6/2026.....	8
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 8-10 năm 2026	11
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 8-10 năm 2026	11
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	12
Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026	12
Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 cho khu vực châu Á.....	12
Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026.....	12
Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026.....	13
Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026	14

PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 4, 5, 6 NĂM 2026**1.1. Diễn biến ENSO**

Bản tin của Trung tâm Dự báo Khí hậu Hoa Kỳ (CPC) ngày 9/7/2026: Trong tháng 6/2026, **điều kiện khí quyển - đại dương phản ánh trạng thái El Niño tiếp tục mạnh lên**. Trên khu vực xích đạo Thái Bình Dương, trong 3 tháng qua, chỉ số dao động Nam (SOI) là -11,2; -14,5 và -24,9 (Hình 1.1). Tại khu vực NINO3.4, SSTA có giá trị lần lượt là 0,47°C; 0,94°C và 1,55°C (Hình 1.2).

**Hình 1.1. Diễn biến chỉ số SOI (7/2021 - 6/2026)**(Nguồn: www.bom.gov.au)**Hình 1.2. Diễn biến chỉ số SSTA (°C) tại khu vực NINO3.4 (7/2021 - 6/2026)**(Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>)**1.2. Diễn biến khí hậu Việt Nam****1.2.1. Nhiệt độ**

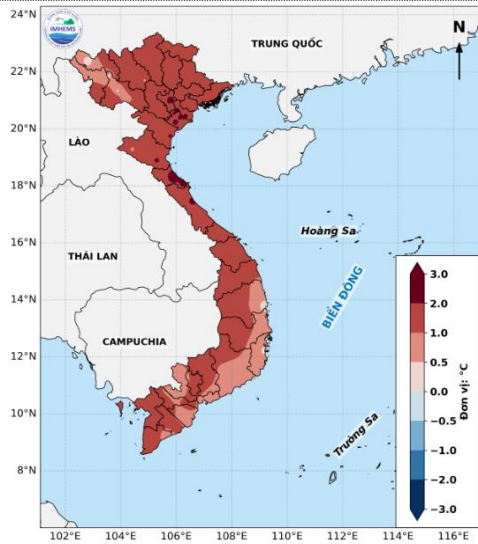
NĐTB mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 khoảng từ 20,3 đến 30,4°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2,3°C trên toàn lãnh thổ (Hình 1.3). NĐTB tháng 6/2026 từ 20,9 đến 32,5°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C trên hầu hết diện tích cả nước (Hình 1.4).

Nhiệt độ tối cao trung bình (NĐTCTB) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 dao động từ 23,6 đến 36,1°C; cao hơn TBNN từ 0,2 đến xấp xỉ 3°C trên hầu khắp lãnh thổ (Hình 1.5). NĐTCTB tháng 6/2026 trong khoảng từ 23,5 đến 37,8°C, cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2,5°C trên hầu hết diện tích nước ta, thấp hơn khoảng 0,5°C ở một vài nơi thuộc Tây Bắc (Hình 1.6).

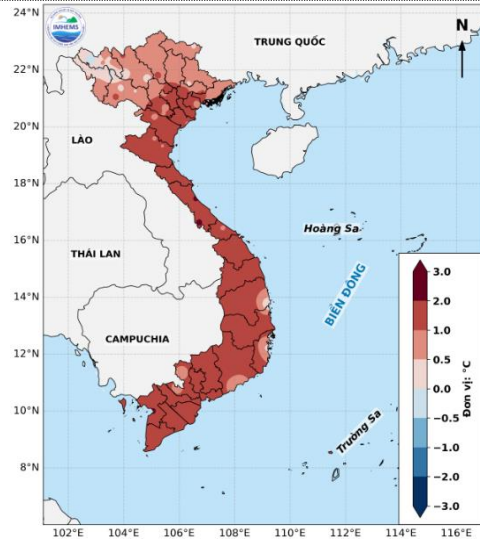
Nhiệt độ tối cao tuyệt đối (NĐTCTĐ) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 và trong tháng 6/2026 phổ biến từ 30 đến 42°C. Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 6/2026 là 42,4°C tại trạm Tây Hiếu vào ngày 15.

Nhiệt độ tối thấp trung bình (NĐTTTB) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 từ 16,5 đến 28,1°C, cao hơn TBNN chủ yếu từ 0,1 đến trên 2°C trên phạm vi cả nước (Hình 1.7). NĐTTTB tháng 6/2026 từ 17,9 đến 29,5°C; cao hơn TBNN phổ biến từ 0,2 đến 2°C trên hầu hết lãnh thổ (Hình 1.8).

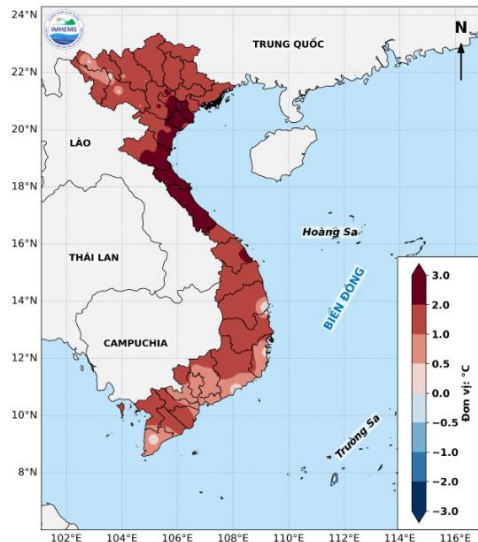
Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (NĐTTTĐ) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 phổ biến từ 15 đến 24°C và trong tháng 6/2026 chủ yếu từ 18 đến 25°C. Giá trị thấp nhất trong tháng 6/2026 là 15,2°C quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 9 và trạm Đà Lạt vào ngày 13.



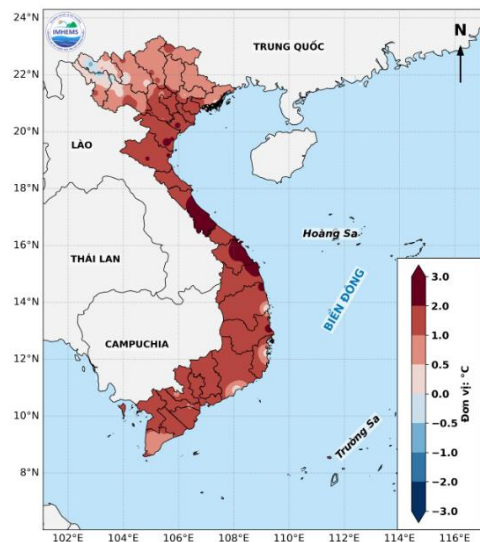
Hình 1.3. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C)



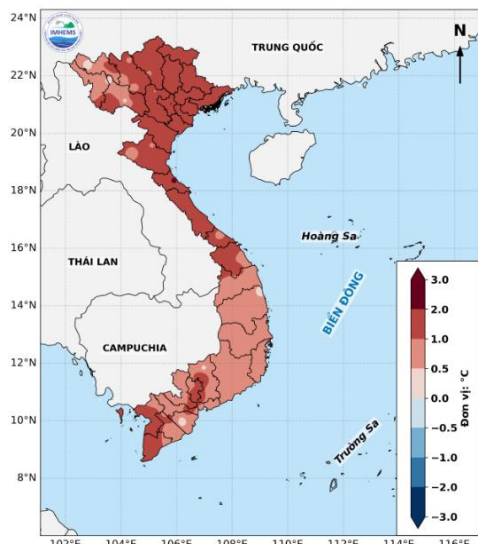
Hình 1.4. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ trung bình tháng 6/2026 (°C)



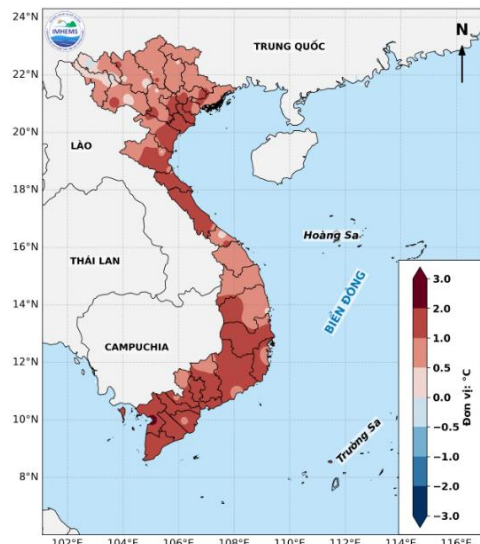
Hình 1.5. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C)



Hình 1.6. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối cao trung bình tháng 6/2026 (°C)



Hình 1.7. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (°C)



Hình 1.8. Phân bố chuẩn sai nhiệt độ tối thấp trung bình tháng 6/2026 (°C)

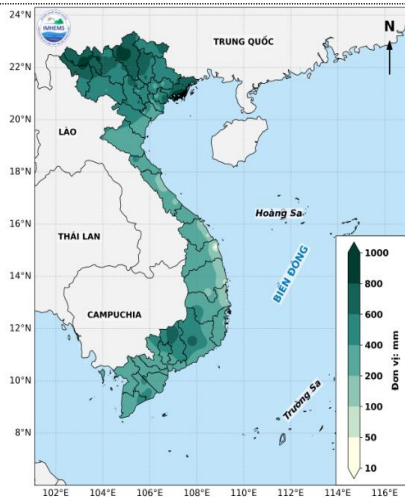
1.2.2. Lượng mưa

Trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026, tổng lượng mưa (TLM) trên phần lớn diện tích nước ta từ 200 đến 600 mm; dải ven biển Nam Trung Bộ có TLM dưới 200 mm; khu vực miền núi Bắc Bộ có TLM từ 600 đến 800mm (Hình 1.9). Lượng mưa thấp hơn TBNN phổ biến từ 5 đến 50% trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, cao hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 20% ở một phần diện tích Đông Bắc Bộ (Hình 1.10).

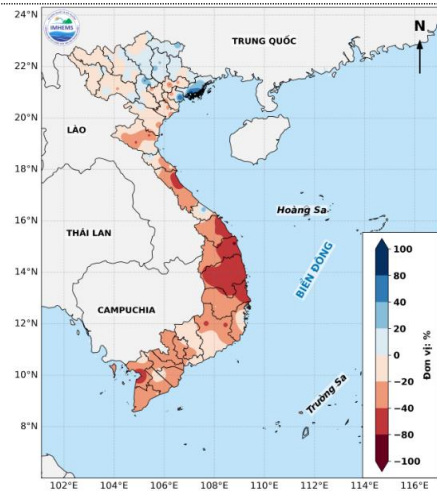
Trong tháng 6/2026, ở Bắc Bộ, phía nam của cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có TLM phổ biến 100 đến 400mm; hầu hết diện tích Trung Bộ có TLM từ 15 đến 100 mm (Hình 1.11). Lượng mưa thấp hơn TBNN trên hầu khắp cả nước, trong đó Bắc Trung Bộ thấp hơn từ 40 đến 90%; lượng mưa cao hơn TBNN khoảng 5 đến 40% ở một phần nhỏ diện tích Đông Bắc Bộ (Hình 1.12).

Lượng mưa ngày lớn nhất (LMNLN) trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 phổ biến từ 35 đến 150 mm và trong tháng 6/2026 phổ biến từ 10 đến 120 mm. Giá trị lớn nhất của LMNLN tháng 6/2026 là 241 mm quan trắc được tại trạm Bãi Cháy vào ngày 17.

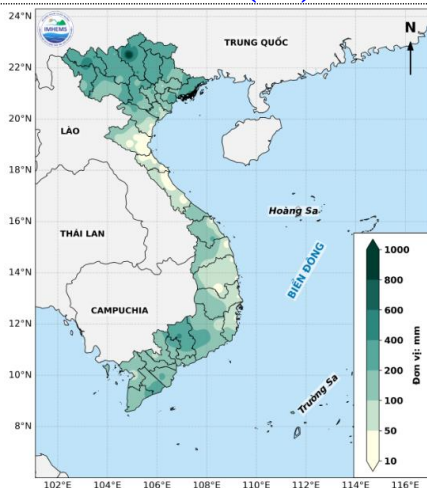
Số ngày mưa (SNM) trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 thấp hơn TBNN từ 1 đến 20 ngày trên hầu hết cả nước (Hình 1.13). Trong tháng 6/2026, SNM thấp hơn TBNN từ 1 đến 8 ngày trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, cao hơn TBNN 1 đến 3 ngày ở một phần nhỏ diện tích Tây Bắc và Nam Bộ (Hình 1.14).



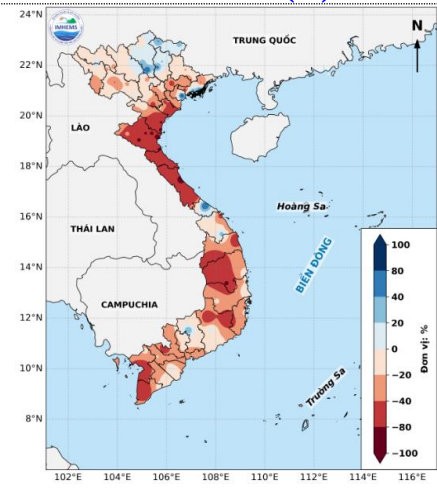
Hình 1.9. Phân bố tổng lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (mm)



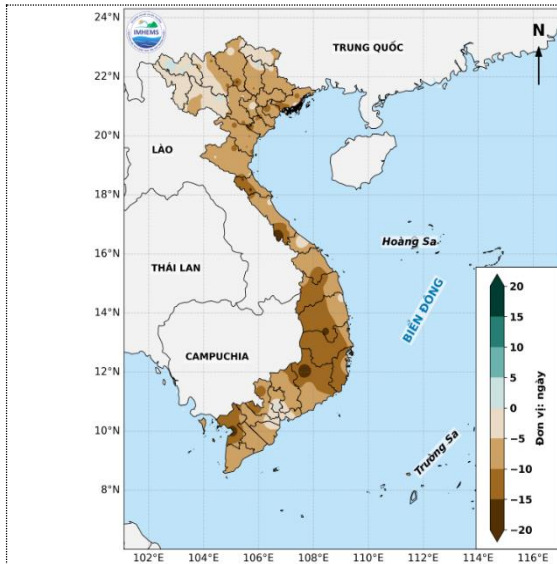
Hình 1.10. Phân bố chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (%)



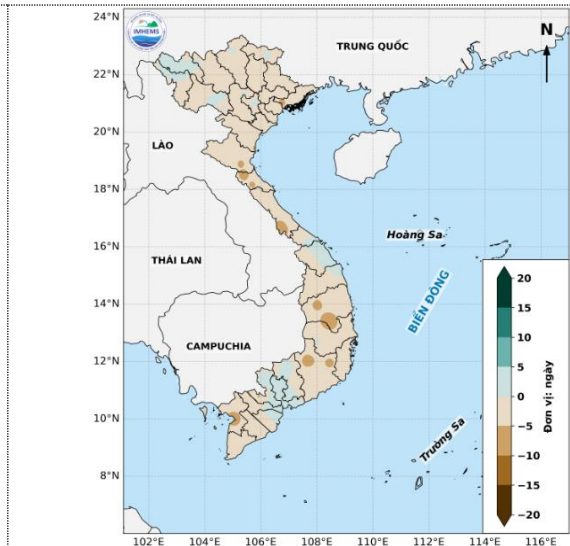
Hình 1.11. Phân bố lượng mưa tháng 6/2026 (mm)



Hình 1.12. Phân bố chuẩn sai lượng mưa tháng 6/2026 (%)



Hình 1.13. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (ngày)



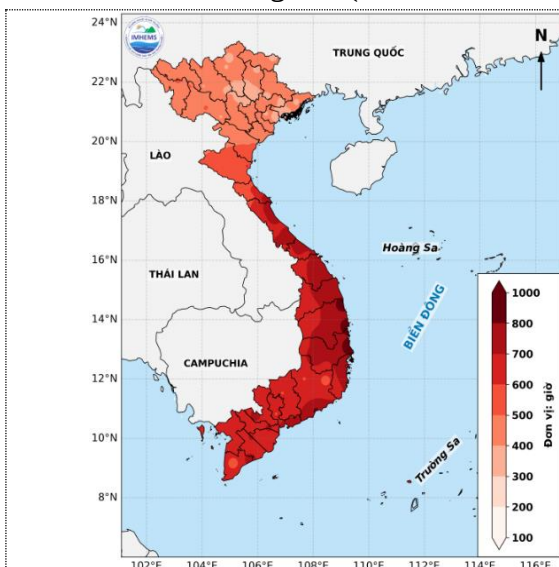
Hình 1.14. Phân bố chuẩn sai số ngày mưa tháng 6/2026 (ngày)

1.2.3. Tổng số giờ nắng, tổng lượng bốc hơi và chỉ số ẩm

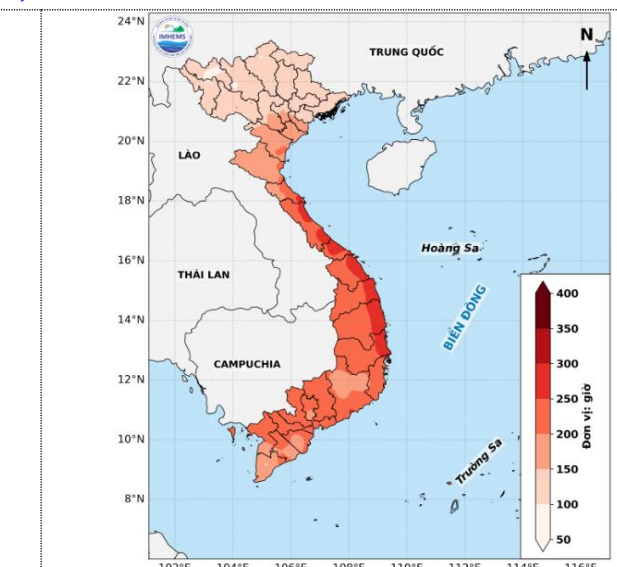
Tổng số giờ nắng (TSGN) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 ở Bắc Bộ chủ yếu từ 350 đến 500 giờ; ở Trung Bộ và Nam Bộ từ 500 đến 800 giờ. Trong tháng 6/2026, TSGN ở Bắc Bộ từ 90 đến 150 giờ; Trung Bộ và Nam Bộ có TSGN từ 150 đến 270 giờ, trong đó cao nhất ở ven biển Nam Trung Bộ (Hình 1.15 và Hình 1.16).

Tổng lượng bốc hơi (TLBH) mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 ở nước ta chủ yếu từ 170 đến 400 mm; trong đó, thấp nhất ở Bắc Bộ và phía nam cao nguyên Trung Bộ, cao nhất ở Bắc Trung Bộ. Trong tháng 6/2026, TLBH ở phần lớn Bắc Bộ và Nam Bộ từ 40 đến 100mm; đồng bằng Bắc Bộ và hầu hết Trung Bộ có TLBH 100 đến 200 mm (Hình 1.17 và Hình 1.18).

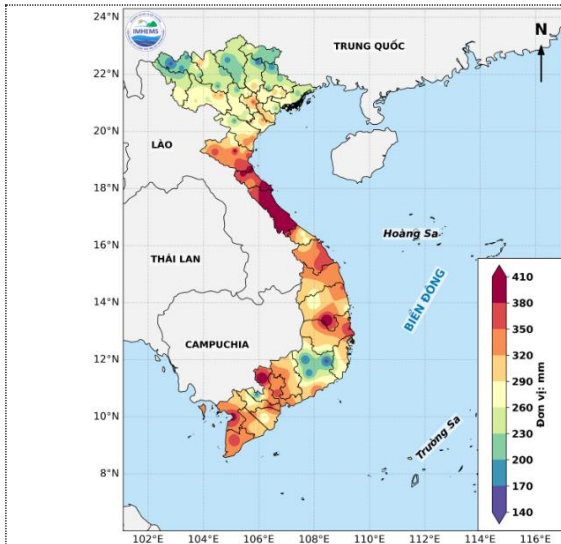
Trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026, thiếu hụt ẩm xảy ra ở phần lớn diện tích Trung Bộ (chỉ số ẩm A nhỏ hơn 1). Tháng 6/2026, thiếu hụt ẩm xảy ra ở Bắc Trung Bộ và một phần ven biển Nam Trung Bộ. (Hình 1.19, Hình 1.20).



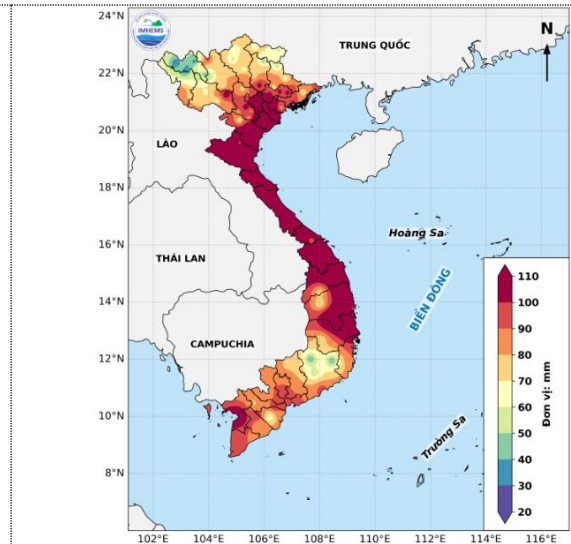
Hình 1.15. Phân bố tổng số giờ nắng mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (giờ)



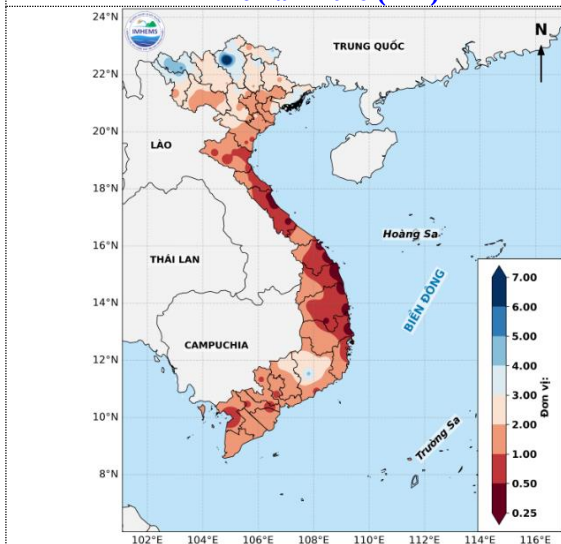
Hình 1.16. Phân bố tổng số giờ nắng tháng 6/2026 (giờ)



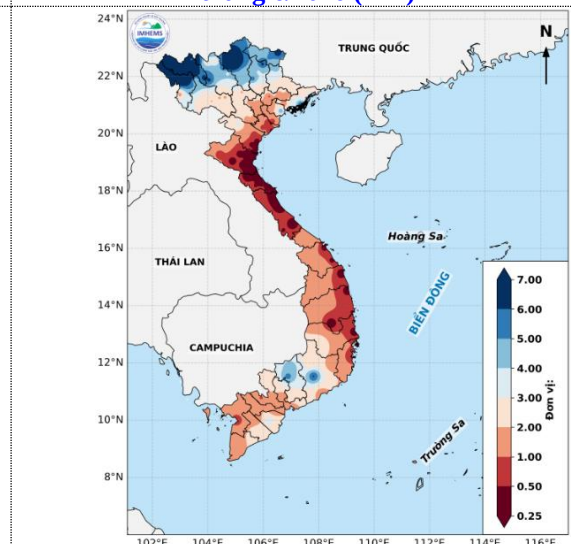
Hình 1.17. Phân bố tổng lượng bốc hơi mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 (mm)



Hình 1.18. Phân bố tổng lượng bốc hơi tháng 6/2026 (mm)



Hình 1.19. Phân bố chỉ số ẩm mùa 3 tháng 4-6 năm 2026



Hình 1.20. Phân bố chỉ số ẩm tháng 6/2026

1.2.4. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Không khí lạnh (KKL): Trong 3 tháng qua có 5 đợt KKL, trong đó tháng 4 và tháng 5/2026 có 4 đợt, tháng 6/2026 có 1 đợt. Đợt KKL trong tháng 6 bắt đầu ảnh hưởng đến nước ta từ ngày 8/6, đây là đợt không khí lạnh hiếm gặp trong tháng 6, làm giảm nhiệt, gây mưa vừa, mưa to, cục bộ có nơi mưa rất to kèm dông trên khu vực Bắc Bộ.

Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ): Có 1 ATNĐ hoạt động trên Biển Đông trong tháng 6/2026. ATNĐ xuất hiện trên Biển Đông từ ngày 3/6 đến ngày 5/6 thì đi ra khỏi khu vực Biển Đông, suy yếu dần không gây ảnh hưởng đến thời tiết đất liền nước ta.

Mưa lớn: Trong 3 tháng qua, đã xảy ra 2 đợt mưa lớn diện rộng, gồm 1 đợt trong tháng 5/2026 và 1 đợt trong tháng 6/2026. Đợt mưa từ ngày 26–30/6/2026 xảy ra trên diện rộng ở Đông Bắc Bộ do ảnh hưởng của rãnh áp thấp kết hợp với hội tụ gió trên cao, lượng mưa cả đợt phổ biến từ 120–250 mm, có nơi trên 350 mm. Ngoài ra, còn xuất hiện nhiều ngày mưa lớn, tập trung chủ yếu ở Bắc Bộ trong các ngày 5, 9 và 15/6; ở Tây Nguyên và Nam Bộ trong các ngày 12, 14 và 18–19/6.

Nắng nóng: Trong mùa 3 tháng qua, có 8 đợt nắng nóng diện rộng xảy ra, trong đó,

tháng 4 và tháng 5/2026 có 6 đợt, tháng 6/2026 có 2 đợt. Đợt nắng nóng ngày 31/5-8/6 xảy ra trên diện rộng ở Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Huế và phía đông các tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk, trong đó, khu vực Bắc Bộ nhiệt độ tối cao phổ biến 36–38°C, có nơi trên 39°C; khu vực Thanh Hóa đến Huế và phía đông các tỉnh Quảng Ngãi đến Đắk Lắk phổ biến 37-40°C, có nơi trên 40°C. Đợt 12-30/6, nắng nóng phát triển trở lại trên khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa đến Huế và các tỉnh phía bắc duyên hải Nam Trung Bộ. Tại Bắc Bộ, nắng nóng xảy ra trong các ngày 13-15/6, 21-22/6 và 23-25/6, với nhiệt độ tối cao phổ biến 36-38°C, nhiều nơi đạt 39-40°C, cục bộ trên 40°C. Khu vực Thanh Hóa đến Huế và các tỉnh phía bắc duyên hải Nam Trung Bộ, nắng nóng có cường độ nắng mạnh hơn, nhiệt độ tối cao phổ biến 37-40°C, nhiều nơi đạt 40-41°C, cục bộ trên 41°C. Khu vực Nam Bộ, xuất hiện nhiều ngày nắng nóng, tập trung chủ yếu trong các ngày 13, 22 và 24/6. Riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ, nắng nóng chỉ xảy ra cục bộ.

Đông lạnh: Có 33 trận đông lạnh xảy ra trong mùa 3 tháng qua, trong đó, 20 trận xảy ra trong tháng 4, tháng 5/2026 (5 trận kèm mưa đá) và 13 trận trong tháng 6/2026 (1 trận kèm mưa đá).

Tình hình thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV)

Thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc KTTV trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026 chủ yếu do mưa lớn, đông lạnh, sét, mưa đá, sạt lở, ngập lụt gây ra. Theo số liệu thống kê sơ bộ do Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai (<https://phongchongthientai.mard.gov.vn>) công bố, có 22 người chết và mất tích; 33 người bị thương; trên 11 nghìn ngôi nhà bị sập, tốc mái, hư hỏng; gần 23,3 nghìn ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại; gần 3,3 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết và một số thiệt hại khác về thủy sản, giao thông, thủy lợi, công trình công cộng ...

Diễn biến của khí hậu mùa 3 tháng 4-6 năm 2026:

(1) Nhiệt độ

- **Mùa 3 tháng 4-6 năm 2026:** Trên hầu hết diện tích nước ta, NĐTB và NĐTTTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C; NĐCTB cao hơn TBNN từ 0,2 đến xấp xỉ 3°C.
- **Tháng 6/2026:** Trên hầu khắp diện tích lãnh thổ nước ta, NĐTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2°C; NĐCTB cao hơn TBNN từ 0,1 đến trên 2,5°C; NĐTTTB cao hơn TBNN phổ biến từ 0,2 đến 2°C.
- **Cực trị nhiệt độ tháng 6/2026:** Giá trị lớn nhất quan trắc được trong tháng 6/2026 là 42,4°C tại trạm Tây Hiếu vào ngày 15. Giá trị thấp nhất trong tháng 6/2026 là 15,2°C quan trắc được tại trạm Sa Pa vào ngày 9 và trạm Đà Lạt vào ngày 13.

(2) Lượng mưa

- **Mùa 3 tháng 4-6 năm 2026:** TLM thấp hơn TBNN phổ biến từ 5 đến 50% trên đại bộ phận diện tích lãnh thổ, cao hơn TBNN chủ yếu từ 1 đến 20% ở một phần diện tích Đông Bắc Bộ.
- **Tháng 6/2026:** TLM thấp hơn TBNN trên hầu khắp cả nước, trong đó Bắc Trung Bộ thấp hơn từ 40 đến 90%; lượng mưa cao hơn TBNN khoảng 5 đến 40% ở một phần nhỏ diện tích Đông Bắc Bộ. LMNLN phổ biến từ 10 đến 120 mm, với giá trị lớn nhất là 241 mm quan trắc được tại trạm Bãi Cháy vào ngày 17.

(3) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm

- **Trong mùa 3 tháng 4-6 năm 2026:** Ghi nhận 5 đợt KKL, 1 ATNĐ, 2 đợt mưa lớn diện rộng, 8 đợt nắng nóng diện rộng và 33 trận dông, lốc, mưa đá trên lãnh thổ Việt Nam.

PHẦN II: DỰ BÁO KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2026

2.1. Dự báo xu thế ENSO và khí hậu khu vực châu Á

2.1.1. Dự báo xu thế ENSO

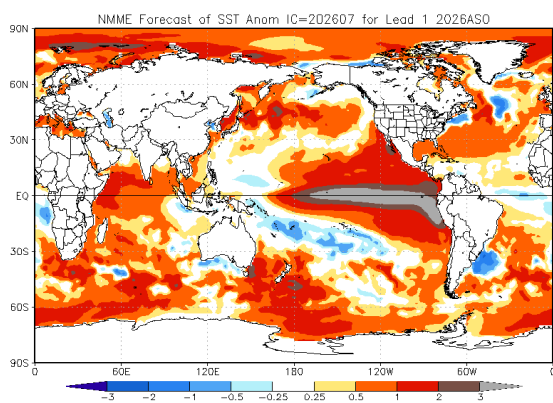
Theo các trung tâm dự báo khí hậu quốc tế (CPC, IRI, BOM và ECMWF), điều kiện khí quyển đang ở trạng thái El Niño và nhiều khả năng sẽ duy trì đến đầu mùa xuân năm 2027 với xác suất 95–100%. Về cường độ, CPC (20/7/2026) nhận định El Niño sẽ tiếp tục mạnh lên và nhiều khả năng đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong các mùa cuối năm 2026 với xác suất trên 90%. IRI cũng cho thấy dị thường nhiệt độ mặt nước biển trên khu vực nhiệt đới Thái Bình Dương tiếp tục gia tăng, phản ánh El Niño đang bước vào giai đoạn tăng cường cường độ (Hình 2.1). Trong khi đó, ECMWF dự báo dị thường nhiệt độ mặt nước biển (SSTA) tại khu vực NINO3.4 từ tháng 8 đến tháng 10 phổ biến từ 2,2–3,5°C, phản ánh sự kiện El Niño có cường độ rất mạnh (Hình 2.2).

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đang ở trạng thái El Niño. Dự báo El Niño có khả năng tiếp tục duy trì đến đầu mùa xuân năm 2027 (xác suất 95%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong mùa 3 tháng 8–10/2026 (xác suất khoảng 90%), và duy trì ở mức rất mạnh trong các mùa 3 tháng 10–12/2026 với xác suất khoảng 81% (CPC).

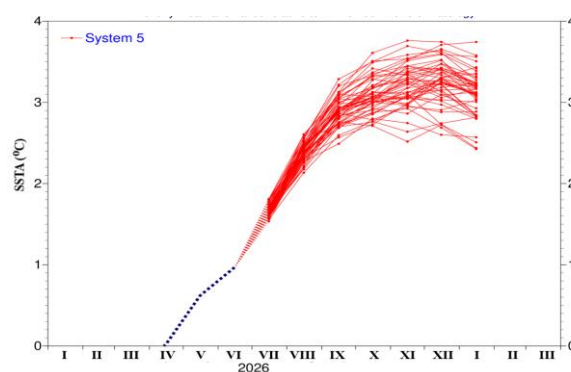
2.1.2. Dự báo khí hậu khu vực châu Á

Nhiệt độ: Theo dự báo của IRI và ECMWF, NĐTĐB trong mùa tháng 8–10/2026 có xu thế cao hơn TBNN trên phần lớn khu vực châu Á. Dự báo của IRI cho thấy xác suất NĐTĐB cao hơn TBNN dao động từ 45% đến trên 77% (Hình 2.3). Trong khi đó, ECMWF dự báo NĐTĐB phổ biến cao hơn TBNN từ 0–2°C (Hình 2.4).

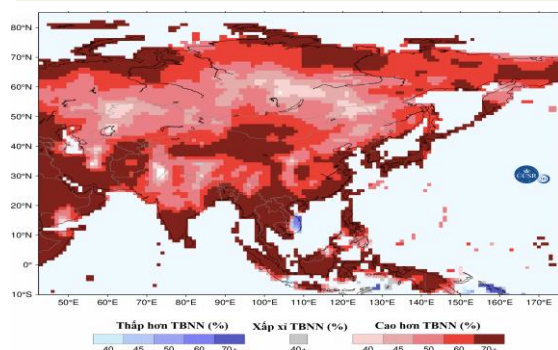
Lượng mưa: Theo dự báo của IRI và ECMWF, TLM mùa 3 tháng 8-10/2026 có sự phân hóa rõ rệt trên khu vực châu Á. Theo IRI, TLM có xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở Bắc Á (xác suất 40–50%), thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở Nam Á và Đông Nam Á (40–70%), trong khi Tây Á chưa có tín hiệu dự báo rõ ràng (Hình 2.5). Trong khi đó, ECMWF cho rằng TLM thấp hơn TBNN tại phần lớn Nam Á, Đông Nam Á và Đông Á, phổ biến thiếu hụt 50–200 mm, cục bộ trên 200 mm; ngược lại, TLM cao hơn TBNN chủ yếu ở Tây Á, một phần Trung Á và phía Nam Ấn Độ Dương, phổ biến 50–100 mm (Hình 2.6).



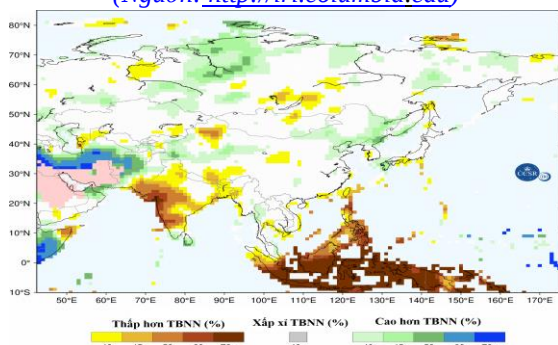
Hình 2.1. Dự báo SSTA mùa 3 tháng 8-10 năm 2026
(Nguồn: <http://iridl.ldeo.columbia.edu>)



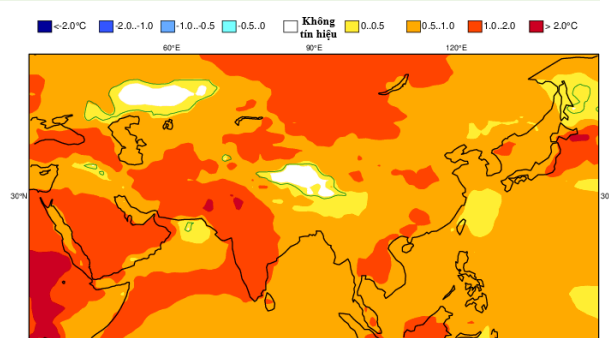
Hình 2.2. Dự báo SSTA tại khu vực NINO3.4 mùa 3 tháng 8-10 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



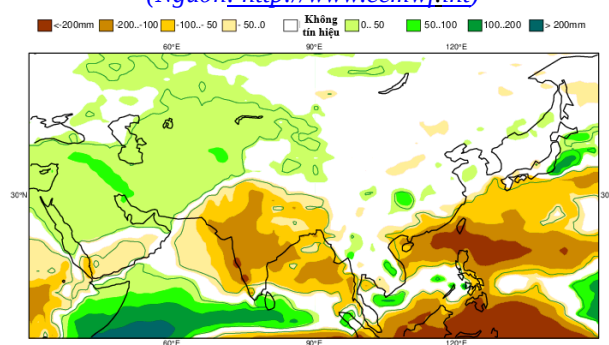
Hình 2.3. Dự báo xác suất nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.5. Dự báo xác suất lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 cho khu vực châu Á
(Nguồn: <http://iri.columbia.edu>)



Hình 2.4. Dự báo chuẩn sai nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)



Hình 2.6. Dự báo chuẩn sai lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026
(Nguồn: <http://www.ecmwf.int>)

2.2. Dự báo khí hậu cho Việt Nam

2.2.1. Dự báo nhiệt độ

Các trung tâm dự báo khí hậu quốc tế (IRI, NCEP, JMA, Met Office, BOM và ECMWF) đều dự báo NĐTB trong mùa 3 tháng 8–10/2026 cao hơn TBNN trên phần lớn lãnh thổ Việt Nam. Trong đó, ECMWF dự báo NĐTB phổ biến cao hơn TBNN khoảng 0–1,0°C (Hình 2.4). Phần lớn các mô hình đều cho thấy xác suất NĐTB cao hơn TBNN trên 70%. Riêng IRI dự báo khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Cao nguyên Trung Bộ có khả năng xuất hiện NĐTB thấp hơn TBNN, với xác suất khoảng 40–60% (Hình 2.3).

Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, NĐTB mùa 3 tháng 8–10/2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết khu vực cả nước với xác suất phổ biến từ 80–100%; mức cao hơn so với TBNN phổ biến từ 0,5–1,5°C (Hình 2.7).

Nhận định: Nhiệt độ trung bình trong mùa 3 tháng 8-10/2026 có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

2.2.2. Dự báo lượng mưa

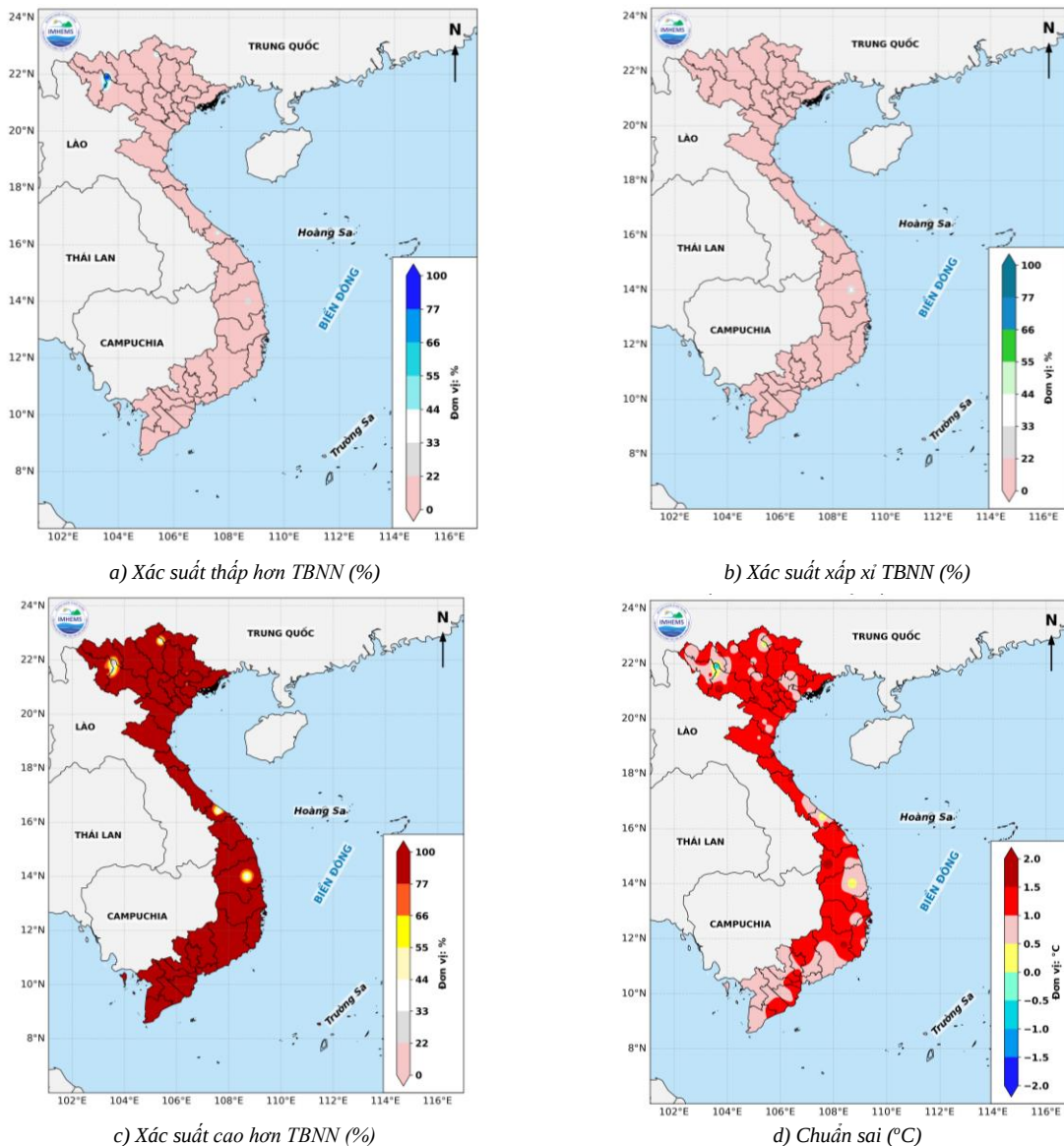
TLM mùa 3 tháng 8–10/2026 trên Việt Nam chủ yếu dao động quanh TBNN, tuy nhiên vẫn tồn tại một số khác biệt giữa các mô hình trên thế giới. Các dự báo của IRI, ECMWF (Hình 2.5, Hình 2.6) và JMA đều cho thấy xu thế thiếu hụt lượng mưa tại Trung Bộ, đặc biệt khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ. Trong khi đó, đối với Bắc Bộ, IRI và JMA dự báo lượng mưa chủ yếu xấp xỉ TBNN, còn Météo-France và NCEP nghiêng về xu thế xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Đối với Nam Bộ, Met Office dự báo lượng mưa xấp xỉ đến cao hơn

TBNN, trong khi IRI, ECMWF, JMA, Météo-France và NCEP lại thiên về xấp xỉ đến thấp hơn TBNN.

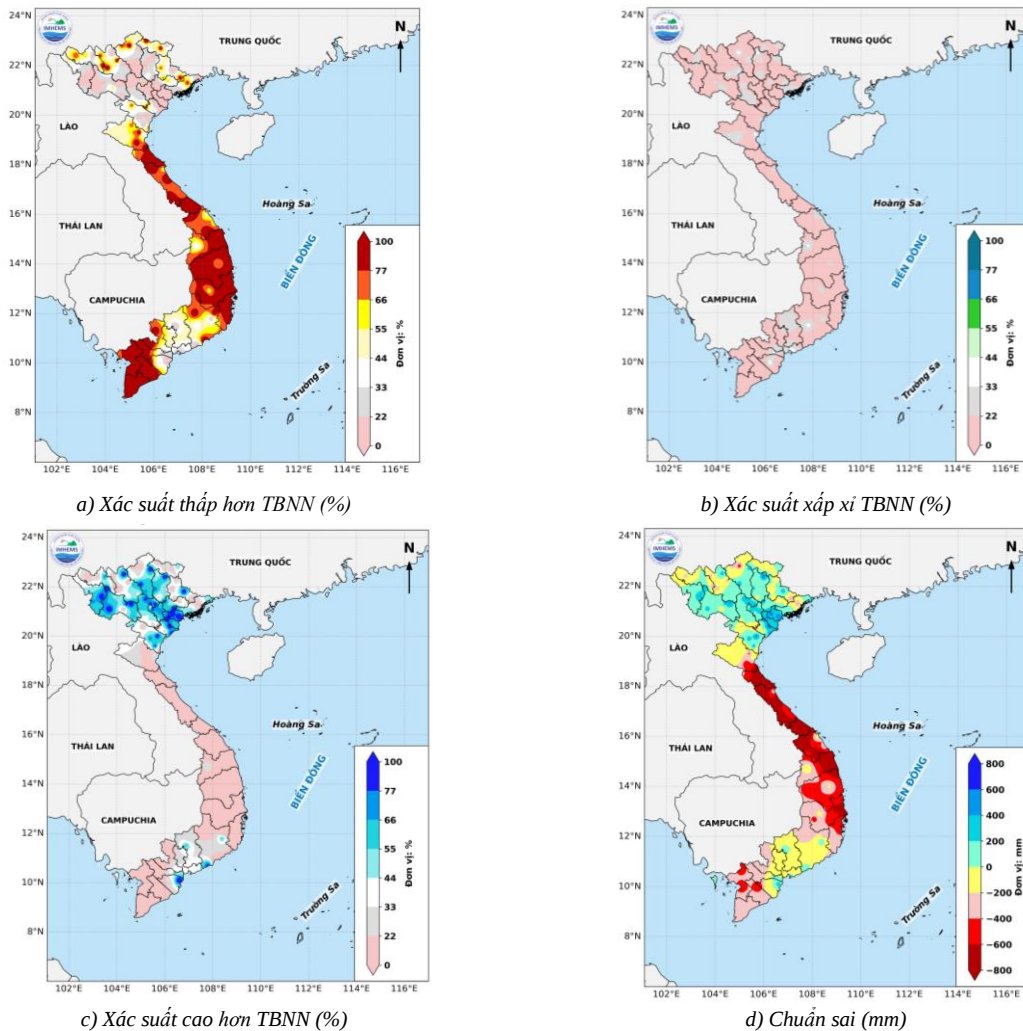
Theo mô hình thống kê của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, TLM mùa 3 tháng 8–10/2026 có khả năng xấp xỉ TBNN tại khu vực Bắc Bộ. Trong khi đó, tại khu vực Trung Bộ và Nam Bộ, TLM có khả năng thấp hơn TBNN với xác suất phổ biến từ 33–99%; mức thiếu hụt so với TBNN phổ biến từ 0–400 mm, có nơi trên 400 mm (Hình 2.8).

Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 tại một số điểm được thể hiện tại Bảng 3 phần Phụ lục.

Nhận định: Trong mùa 3 tháng 8-10/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ.



Hình 2.7. Dự báo xác suất (a,b,c) và chuẩn sai (d) nhiệt độ mùa 3 tháng 8-10 năm 2026



Hình 2.8. Dự báo xác suất (a, b, c) và chuẩn sai (d) lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026

2.2.3. Nhận định thời tiết hiểm và khí hậu cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):

Trong mùa 3 tháng 8-10/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng ở mức thấp hơn TBNN (TBNN giai đoạn 1991-2020: 6 cơn trên Biển Đông, trong đó có 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- Nắng nóng:

Dưới tác động của El Niño và xu thế nhiệt độ cao hơn TBNN, nắng nóng sẽ tiếp tục xuất hiện tại Bắc Bộ và Trung Bộ trong tháng 8-9 năm 2026, với cường độ có khả năng gay gắt hơn TBNN.

- Điều kiện khô hạn:

Trong bối cảnh El Niño tiếp tục duy trì đến đầu mùa xuân năm 2027 và có khả năng đạt cường độ từ mạnh đến rất mạnh vào cuối năm 2026, do đó mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHẦN III: NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU MÙA 3 THÁNG 8, 9, 10 NĂM 2026

Một số nhận định chính về khí hậu mùa 3 tháng 8, 9, 10 năm 2026

Trên cơ sở phân tích diễn biến khí hậu và kết quả dự báo khí hậu (kết quả mô hình thống kê và động lực của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển, bản tin của các trung tâm dự báo khí hậu trên thế giới), một số nhận định khí hậu mùa 3 tháng 8-10 năm 2026 như sau:

1) Hoạt động của ENSO:

Hiện nay, điều kiện khí quyển và đại dương đang ở trạng thái El Niño. Dự báo El Niño có khả năng tiếp tục duy trì đến đầu mùa xuân năm 2027 (xác suất 95%). El Niño có xu hướng gia tăng về cường độ, đạt cường độ mạnh đến rất mạnh trong mùa 3 tháng 8–10/2026 (xác suất khoảng 90%), và duy trì ở mức rất mạnh trong mùa 3 tháng 10–12/2026 với xác suất khoảng 81% (CPC).

(2) Gió mùa:

- Cường độ gió mùa mùa hè (GMMH) có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN trong tháng 8, sau đó suy yếu dần với cường độ xấp xỉ đến thấp hơn TBNN vào cuối mùa. Thời điểm kết thúc GMMH có khả năng sớm hơn đến xấp xỉ TBNN.

(3) Nhiệt độ:

Trong mùa 3 tháng 8-10/2026, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN trên hầu hết các khu vực cả nước.

(4) Lượng mưa:

Trong mùa 3 tháng 8-10/2026, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ; xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở khu vực từ Thanh Hóa đến TP. Huế, Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ; thấp hơn TBNN ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

(5) Hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan:

- *Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ)*: Trong mùa 3 tháng 8-10/2026, số lượng XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến Việt Nam có khả năng thấp hơn TBNN (TBNN: 6 cơn trên Biển Đông và 3-4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam).

- *Nắng nóng*: Trong tháng 8-9 năm 2026, nắng nóng sẽ tiếp tục xuất hiện tại Bắc Bộ và Trung Bộ, với mức độ nắng nóng có khả năng gay gắt hơn TBNN.

- *Điều kiện khô hạn*: Mùa khô 2026/2027 tại khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ có khả năng xảy ra tình trạng hạn hán nghiêm trọng trên diện rộng.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đặc trưng nhiệt độ tháng 6/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)		Nhiệt độ tối cao (°C)			Nhiệt độ tối thấp (°C)		
	NĐTB	CS	NĐCTB	CS	NĐCTĐ	NĐTTB	CS	NĐTTĐ
Điện Biên	27,6	0,9	32,5	1,1	36,4	24,7	0,9	22,1
Sơn La	25,9	0,3	30,3	0,0	34,3	23,1	0,5	20,2
Sa Pa	20,9	0,9	23,5	0,5	27,4	19,3	1,4	15,2
Bắc Quang	29,0	0,9	34,3	0,9	37,8	25,7	0,6	23,4
Lạng Sơn	28,2	1,0	32,7	0,8	36,9	25,1	1,0	22,8
Thái Nguyên	30,0	1,0	34,1	0,8	38,9	26,8	0,6	24,0
Láng	31,8	1,8	36,1	1,7	40,8	28,7	1,7	24,7
Bãi Cháy	29,8	0,9	32,5	0,6	35,6	27,6	0,9	23,9
Phù Lễn	29,3	0,7	33,7	1,2	38,0	26,7	0,6	23,2
Thanh Hoá	31,3	1,7	35,9	2,1	40,3	28,3	1,5	23,5
Vinh	32,3	1,7	36,5	1,7	40,8	28,1	0,6	24,4
Huế	30,1	0,9	36,5	1,5	39,5	25,3	0,2	22,6
Đà Nẵng	31,2	1,5	37,5	2,6	40,0	27,2	0,9	25,0
Quy Nhơn	30,3	0,0	34,6	0,1	37,1	28,0	0,4	26,0
Nha Trang	29,5	0,4	33,1	0,3	34,7	27,2	0,9	25,1
Phan Thiết	28,6	0,5	32,7	0,2	35,5	26,4	0,9	24,4
Plây cu	25,0	1,5	29,7	1,9	32,0	21,9	1,1	20,3
B.M. Thuật	26,4	1,2	31,5	1,0	33,4	23,1	1,1	22,0
Đà Lạt	21,0	1,7	25,6	1,7	28,4	17,9	1,3	15,2
Tân Sơn Hoà	30,2	1,6	35,1	1,3	37,0	27,4	1,7	25,0
Vũng Tàu	29,7	1,1	33,1	1,1	34,2	27,3	1,3	25,0
Rạch Giá	30,5	2,1	32,8	1,8	34,7	28,5	2,3	24,9
Cần Thơ	29,0	1,5	33,9	1,6	35,5	26,4	1,5	24,4
Cà Mau	29,3	1,3	32,8	0,5	34,6	27,2	1,8	25,1

(Chú thích: NĐTB: Nhiệt độ trung bình; CS: Chuẩn sai; NĐCTB: Nhiệt độ tối cao trung bình; NĐCTĐ: Nhiệt độ tối cao tuyệt đối; NĐTTB: Nhiệt độ tối thấp trung bình; NĐTTĐ: Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối).

Bảng 2. Đặc trưng lượng mưa tháng 6/2026 tại một số trạm quan trắc tiêu biểu

Trạm	Lượng mưa tháng		Số ngày mưa		LMNLN (mm)
	TLM (mm)	CS (%)	SNM (ngày)	CS (ngày)	
<i>Điện Biên</i>	145	-39,0	18	-0,8	28
<i>Sơn La</i>	124	-43,0	14	-4,1	51
<i>Sa Pa</i>	361	2,7	26	0,6	116
<i>Bắc Quang</i>	1234	16,5	20	-3,4	232
<i>Lạng Sơn</i>	142	-20,7	14	-2,1	40
<i>Thái Nguyên</i>	250	-9,9	14	-1,7	53
<i>Láng</i>	229	-7,1	17	2,4	58
<i>Bãi Cháy</i>	403	52,7	10	-4,8	173
<i>Phù Lễn</i>	408	88,6	9	-4,0	156
<i>Thanh Hoá</i>	17	-88,4	7	-3,5	11
<i>Vinh</i>	14	-84,4	5	-2,2	6
<i>Huế</i>	132	66,7	8	-0,8	41
<i>Đà Nẵng</i>	37	-45,8	9	1,6	14
<i>Quy Nhơn</i>	46	-9,0	4	-3,8	23
<i>Nha Trang</i>	41	-18,4	5	-2,2	33
<i>Phan Thiết</i>	139	-2,9	10	-4,9	53
<i>Pleiku</i>	75	-73,6	16	-5,7	39
<i>B.M. Thuật</i>	196	-17,2	21	0,4	46
<i>Đà Lạt</i>	63	-69,1	16	-5,8	15
<i>Tân Sơn Hoà</i>	168	-18,0	19	4,1	45
<i>Vũng Tàu</i>	169	-29,7	23	4,2	52
<i>Rạch Giá</i>	67	-77,2	12	-7,9	27
<i>Cần Thơ</i>	127	-38,5	17	-2,7	51
<i>Cà Mau</i>	132	-58,1	19	-1,8	26

(Chú thích: TLM: Tổng lượng mưa; SNM: Số ngày mưa; CS: Chuẩn sai; LMNLN: Lượng mưa ngày lớn nhất).

Bảng 3. Dự báo xác suất nhiệt độ và lượng mưa mùa 3 tháng 8-10 năm 2026

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
Tây Bắc Bộ									
1	Mường Tè	25,1	0,1	25,6	98,4	703,5	77,7	795,7	6,1
2	Sìn Hồ	18,4	0,0	18,8	99,9	761,7	65,2	908,7	10,0
3	Lai Châu	25,4	0,2	26,0	97,2	508,3	28,1	699,1	40,3
4	Điện Biên	24,4	0,0	24,9	99,9	488,0	10,8	611,4	68,2
5	Tuần Giáo	23,8	0,2	24,3	97,8	380,7	0,0	485,0	99,9
6	Sơn La	23,6	0,1	23,8	97,5	364,5	12,4	486,9	63,5
7	Quỳnh Nhai	25,7	97,6	26,1	0,2	467,6	0,0	547,7	98,8
8	Sông Mã	24,7	0,0	25,3	100,0	328,3	0,2	423,6	97,0
9	Yên Châu	25,1	0,0	25,7	99,6	360,6	62,7	498,7	10,1
10	Mộc Châu	21,0	0,0	21,5	99,4	570,4	11,2	763,1	68,0
11	Sa Pa	17,5	0,1	18,0	97,1	825,8	80,2	1045,9	3,9
12	Hòa Bình	26,5	0,0	26,9	100,0	669,0	28,2	846,3	40,9
Đông Bắc Bộ									
1	Hà Giang	26,0	0,0	26,5	99,3	730,0	94,0	914,0	0,7
2	Bắc Quang	26,0	0,0	26,4	99,5	1298,7	38,6	1694,2	22,2
3	Cao Bằng	25,0	0,0	25,3	99,4	422,7	92,2	489,4	1,2
4	Lạng Sơn	24,6	0,0	24,9	99,9	335,6	0,7	475,2	94,1
5	Tuyên Quang	26,6	0,0	27,0	99,7	480,3	5,8	616,7	71,2
6	Thái Nguyên	26,8	0,1	27,2	97,7	576,7	40,0	701,9	27,6
7	Yên Bái	26,2	0,7	26,7	92,8	666,5	25,6	830,8	37,1
8	Móng Cái	26,5	0,0	26,9	99,4	822,4	10,1	1085,0	63,7
9	Vĩnh Yên	27,2	0,1	27,5	97,2	494,4	0,8	636,2	92,8
10	Việt Trì	26,9	0,0	27,3	98,9	491,1	0,0	602,5	99,4
11	Bắc Giang	26,9	0,7	27,3	92,0	513,2	19,4	616,1	49,6
12	Hải Dương	26,7	0,0	27,2	99,7	509,4	0,0	640,2	100,0
13	Phù Liên	26,4	0,9	26,7	89,8	621,3	0,1	740,0	99,0
14	Nam Định	26,9	0,0	27,3	98,8	659,1	0,3	866,6	97,7
15	Thái Bình	26,5	0,0	26,8	100,0	666,6	18,2	820,9	56,2
16	Ninh Bình	26,8	0,0	27,1	99,8	722,2	49,0	924,5	19,6
Thanh Hóa đến TP, Huế									
1	Thanh Hóa	26,7	0,1	27,0	97,8	776,7	14,3	949,0	59,8
2	Bãi Thượng	26,4	0,0	26,6	99,0	746,3	6,9	935,8	74,1
3	Vinh	26,9	0,0	27,3	100,0	1014,2	93,6	1436,2	1,0
4	Tương Dương	26,1	0,0	26,4	99,0	517,5	54,1	649,5	14,3
5	Hà Tĩnh	26,8	0,0	27,2	100,0	1168,7	88,4	1706,5	1,8
6	Tuyên Hoá	26,1	0,0	26,3	99,0	1181,2	96,1	1721,6	0,4
7	Đồng Hới	27,0	0,0	27,4	100,0	1087,2	96,1	1446,8	0,3
8	Đồng Hà	27,0	0,6	27,3	90,4	1017,4	74,9	1430,8	5,9
9	Huế	26,7	35,8	27,1	27,3	1152,9	95,3	1694,7	0,3
10	A Lưới	23,1	0,0	23,5	100,0	1213,1	97,1	2028,9	0,2
Duyên hải Nam Trung Bộ									
1	Đà Nẵng	27,3	0,0	27,7	100,0	1059,5	48,5	1340,5	18,9
2	Tam Kỳ	27,0	0,2	27,3	97,2	1085,5	61,2	1468,8	13,1
3	Trà My	25,6	0,0	26,0	100,0	1398,7	96,4	1848,8	0,2
4	Quảng Ngãi	27,2	0,0	27,5	100,0	953,0	98,6	1407,0	0,1
5	Ba Tơ	26,5	0,1	26,9	94,1	1177,0	98,5	1526,4	0,1
6	Quy Nhơn	28,5	0,0	28,7	99,8	760,7	95,9	969,2	0,2
7	Tuy Hoà	27,8	0,0	28,1	100,0	822,0	97,0	1039,5	0,1
8	Sơn Hoà	26,9	0,0	27,2	100,0	616,1	98,9	812,4	0,0
9	Nha Trang	27,7	0,0	28,0	100,0	510,0	99,6	658,0	0,0
10	Trường Sa	28,0	0,2	28,5	95,1	697,6	70,3	1001,3	6,5
Cao nguyên Trung Bộ									
1	Kon Tum	23,9	0,0	24,4	100,0	768,9	82,0	954,6	3,0
2	Đắk Tô	22,8	0,0	23,2	99,6	711,2	33,5	908,0	31,9

Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển

STT	Trạm	Nhiệt độ				Lượng mưa			
		PV1(*) (°C)	XSHC (%)	PV2 (°C)	XSVC (%)	PV1 (mm)	XSHC (%)	PV2 (mm)	XSVC (%)
3	Pleiku	22,2	0,0	22,5	100,0	959,6	99,0	1094,3	0,0
4	Ayunpa	26,2	0,0	26,5	100,0	541,8	100,0	641,6	0,0
5	M'Drak	24,8	0,0	25,1	99,9	709,6	99,8	868,5	0,0
6	Đắk Nông	22,9	0,0	23,5	98,7	1005,0	87,4	1202,2	1,1
7	Đà Lạt	18,4	0,0	18,6	100,0	707,5	88,2	822,7	2,1
8	Liên Khương	21,4	0,0	21,8	100,0	585,6	14,4	807,4	58,6
9	Bảo Lộc	22,0	0,2	22,4	94,2	1111,5	33,8	1448,5	30,4
Nam Bộ									
1	Phan Thiết	27,1	0,0	27,3	100,0	469,3	95,5	571,8	0,4
2	Phước Long	25,5	0,0	26,0	100,0	1173,1	44,0	1390,9	25,5
3	Vũng Tàu	27,5	0,0	27,9	100,0	597,1	18,2	730,0	39,4
4	Mỹ Tho	26,7	0,0	27,1	100,0	646,9	18,5	742,8	45,3
5	Cần Thơ	26,8	0,0	27,2	100,0	698,8	100,0	845,5	0,0
6	Rạch Giá	27,6	0,3	27,9	93,4	865,0	99,0	1000,8	0,1
7	Phú Quốc	27,2	0,0	27,5	98,1	1208,1	21,7	1471,7	41,5
8	Sóc Trăng	26,8	0,0	27,0	99,5	800,0	99,0	906,2	0,0
9	Cà Mau	27,2	0,0	27,5	99,4	1027,5	95,4	1132,8	0,5

(*) PV1 - Phân vị thứ nhất (trị số ứng với xác suất tích lũy 33 %)

PV2 - Phân vị thứ hai (trị số ứng với xác suất tích lũy 67 %)

XSHC - Xác suất thấp hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa nhỏ hơn PV1)

XSVC - Xác suất cao hơn TBNN (xác suất để nhiệt độ và lượng mưa lớn hơn PV2)

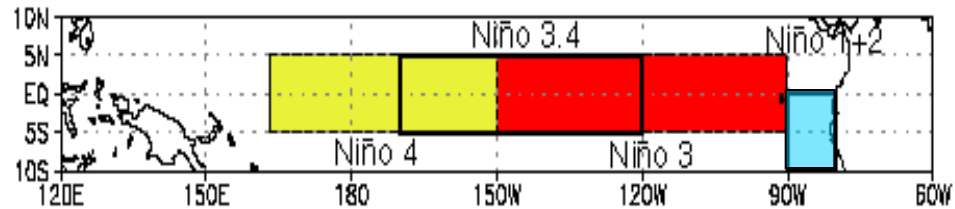
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ ENSO

El Niño: El Niño là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng nóng lên không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo Thái Bình Dương (TBD) kéo dài từ 3 mùa trở lên, El Niño còn được gọi là "pha nóng".

La Niña: Ngược với El Niño, La Niña là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng lạnh đi không bình thường của lớp nước mặt thuộc vùng biển phía đông xích đạo TBD kéo dài từ 3 mùa trở lên, La Niña còn được gọi là "pha lạnh".

Trạng thái trung gian: Khi nhiệt độ mặt nước biển ở trạng thái nằm giữa "pha nóng" và "pha lạnh" được gọi là trạng thái trung gian.

Xích đạo TBD
là khu vực nằm
trong khoảng
20°N - 20°S,
100°E - 60°W.



Để xác định các hiện tượng El Niño/La Niña người ta thường dùng trị số chuẩn sai của nhiệt độ mặt nước biển của 4 khu vực NINO1+2, NINO3, NINO4, NINO3,4 thuộc xích đạo TBD. Vị trí của 4 khu vực này được nêu ở hình trên.

Dao động Nam (SO): SO là khái niệm dùng để chỉ hiện tượng dao động của chênh lệch khí áp giữa tây và trung tâm xích đạo TBD.

Chỉ số Dao động Nam (SOI): SOI được xác định thông qua chênh lệch khí áp mặt biển giữa 2 trạm Tahiti và Darwin.

ENSO: Do 2 hiện tượng El Niño/La Niña (đại dương) và SO (khí quyển) xảy ra trên xích đạo TBD có quan hệ mật thiết với nhau nên chúng được liên kết lại thành một hiện tượng kép, gọi tắt là ENSO./.